

Bản án số: 150/2017/HSST
Ngày 11-08-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Dũng

Ông Nguyễn Đắc Liệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 08 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 128/2017/HSST ngày 20 tháng 07 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2017/HSST-QĐXX ngày 31 tháng 07 năm 2017, đối với bị cáo:

Hồ Thị Mỹ H (tên gọi khác: không), sinh năm 1987 tại tỉnh V; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Số 28A đường N, Phường 2, thành phố V, tỉnh V; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: không; dân tộc: Kinh; con ông Hồ Văn N và bà Dương Thị Tuyết A; chồng: Tôn Hữu T; có ba con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền sự: không; tiền án: không; biện pháp ngăn chặn : Bị bắt tạm giữ ngày 20 tháng 05 năm 2017; Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn số 112/VKS -KSĐT ngày 26-05-2017 cho gia đình bảo lãnh (có mặt).

Bị hại : Bùi Thị H, sinh năm 1981, nơi cư trú: Số 256 đường B, phường N, thành phố V, tỉnh V (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Tôn Ánh T, sinh năm 1963, nơi cư trú: Số 28A đường N, Phường 2, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 19-05-2017, Hồ Thị Mỹ H điều khiển xe mô tô biển số 72L9 – 5374 đi đến cửa hàng của chị Bùi Thị H tại số 256 đường B, phường N, thành phố V. H thấy vợ chồng chị H ngủ trưa trên ghế, cạnh chị H có để một điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng nên nảy sinh ý định trộm cắp. H lấy chiếc điện thoại này rồi mang về nhà cất giấu. Đến 10 giờ ngày 20-05-2017, Công an phường N kiểm tra thu giữ được vật chứng chiếc điện thoại nêu trên tại nhà của H.

Biên bản xác định giá trị tài sản số 119/BB-PTCKH ngày 21-06-2017 của Hội đồng định giá xác định: 01 điện thoại di động hiệu I phone 6 trị giá 5.500.000 đ.

Bản cáo trạng số 137/CT-VKS ngày 18-07-2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố Hồ Thị Mỹ H về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo Hồ Thị Mỹ H thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo mức án từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo xác định đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu I phone 6 trị giá 5.500.000 đ của người bị hại. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của các

đương sự, vật chứng thu giữ, kết quả định giá và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiền hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa. Hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

So sánh thấy tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức tối đa của khung hình phạt nặng nhất nhẹ hơn so với tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (hình phạt tù đến 20 năm so với hình phạt tù chung thân). Nên áp dụng khoản 3 Điều 7; Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại quyền sở hữu tài sản công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại về vật chất, tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại người bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét bị cáo có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ – HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên xem xét áp dụng các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 giảm cho bị cáo một phần hình phạt và được hưởng biện pháp án treo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Người bị hại Bùi Thị H xác định đã nhận lại tài sản bị mất; không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên HĐXX không xem xét.

Xe mô tô biển số 72L9 -5347 là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Tôn Ánh T (mẹ chồng bị cáo). Bà T không biết bị cáo mượn xe sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bà T. Sau khi nhận lại tài sản bà T không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí : Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hồ Thị Mỹ H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt Hồ Thị Mỹ H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11-08-2017.

Giao bị cáo Hồ Thị Mỹ H cho Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố V, tỉnh V giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Hồ Thị Mỹ H.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

4. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thay mặt HĐXX, Chủ tọa phiên tòa đã giải thích về chế định áp dụng biện pháp án treo cho bị cáo Hồ Thị Mỹ H hiểu rõ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thanh Hảo